

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **83/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 27/9/2022

V/v: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Cẩm Linh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Văn Hợp và ông Hà Ứng Cường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Như Ngọc, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Ông Lâm Sễn, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 215/2022/TLST- HNGĐ ngày 21/4/2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2022/QĐXXST - HN ngày 09/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2022/QĐST – HN ngày 31/8/2022, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Anh **Danh T**, sinh năm 1989. Địa chỉ: Ấp TB, xã TL, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt)

* Bị đơn: Chị **Huỳnh Thị Cẩm Th**, sinh năm 1998. Địa chỉ: Ấp TP, xã GT, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Danh T trình bày và tại phiên tòa yêu cầu như sau:*

- Về hôn nhân: Anh và chị Huỳnh Thị Cẩm Th chung sống với nhau từ năm 2020. Trước khi chung sống, vợ chồng có quen biết nhau, sau đó cả hai tự nguyện tiến tới hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương và có đi thực hiện việc đăng ký kết hôn. Ngày 26/02/2020, anh chị được Ủy ban nhân dân xã TL, huyện Châu Thành cấp giấy chứng nhận kết hôn.

Nguyên nhân anh và chị Th phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng thường xuyên cự cãi và luôn bất đồng quan điểm với nhau, không thể hàn gắn được. Anh

và chị Th cưới nhau được khoảng 01 tháng thì xảy ra mâu thuẫn nên chị Th bỏ nhà đi đến nay không về, anh T cũng không liên lạc được với chị Th. Do xét thấy, tình cảm của anh đối với chị Th không còn nữa và mâu thuẫn giữa anh chị cũng không thể hàn gắn được nữa, hôn nhân không thể kéo dài nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Huỳnh Thị Cẩm Th.

- *Về con chung*: Anh T xác nhận, trong quá trình chung sống anh và chị Th không có con chung nên không yêu cầu giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Trong ngày cưới, cha mẹ anh có cho anh và chị Th 01 sợi dây chuyền 2,5 chỉ vàng 18kr; 01 đôi bông tai 01 chỉ vàng 18kr và 01 cặp nhẫn cưới 01 chỉ vàng 18kr. Khi chị Th bỏ nhà đi, chị Th có mang theo 01 sợi dây chuyền, 01 đôi bông tai và 01 chiếc nhẫn. Anh T đang giữ 01 chiếc nhẫn.

Khi khởi kiện anh có yêu cầu chia hai số vàng nhưng trong quá trình giải quyết, anh T có đơn xin rút lại yêu cầu chia tài sản với chị Th, khi nào anh và chị Th có tranh chấp thì anh sẽ khởi kiện thành vụ kiện khác.

- *Về nợ chung*: Anh T xác nhận, giữa anh và chị Th không có nợ ai, cũng không ai nợ anh chị nên không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa: Anh T yêu cầu được ly hôn với chị Th, về con chung và nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết, anh xin rút lại yêu cầu chia tài sản chung với chị Th.

** Trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa, bị đơn chị Huỳnh Thị Cẩm Th không có lời trình bày.*

** Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và người tham gia tố tụng: Đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 56, Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T, cho anh T được ly hôn với chị Th và đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung do anh T rút yêu cầu. Buộc anh T chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (gọi tắt là HĐXX) nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn là anh Danh T khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Huỳnh Thị Cẩm Th là tranh chấp dân sự về hôn nhân và gia đình. Qua yêu cầu của đương sự trong vụ án được xác định mối quan hệ pháp luật là “Ly hôn”.

Khi nguyên đơn khởi kiện được Tòa án thụ lý vụ án giải quyết thì bị đơn có hộ khẩu thường trú tại ấp TP, xã GT, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét thấy, chị Huỳnh Thị Cẩm Th là bị đơn trong vụ án đã được triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt chị Th theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Anh T và chị Th chung sống với nhau từ năm 2020, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện Châu Thành và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 26/02/2020 theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Xét yêu cầu của anh T về việc ly hôn với chị Th. HĐXX xét thấy, anh T cho rằng sau khi kết hôn và qua thời gian chung sống được khoảng 01 tháng vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm với nhau, mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên anh chị đã ly thân với nhau từ khoảng giữa năm 2020 đến nay.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhằm động viên anh chị trở về chung sống, tiếp tục xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng chị Th luôn vắng mặt và không gửi ý kiến của chị đối với yêu cầu ly hôn của anh T cho Tòa xem xét. Đồng thời, tại phiên tòa anh T cương quyết ly hôn, xét thấy việc anh chị ly thân từ giữa năm 2020 đến nay nhưng anh chị không tới lui để quan T, chăm sóc, giúp đỡ nhau là đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Do đó, HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của anh T và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, cho anh T được ly hôn với chị Th.

[3] *Về quan hệ con chung*: Anh T xác định, anh và chị Th không có con chung nên HĐXX không xem xét.

[4] *Về tài sản chung*: Trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa, anh T có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện đối với việc chia tài sản chung với chị Th.

Xét thấy việc rút yêu cầu này của anh T là hoàn toàn tự nguyện và không trái với quy định của pháp luật nên HĐXX căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, chấp nhận và đình chỉ đối với phần yêu cầu chia tài sản chung của anh T.

[5] *Về nợ chung*: Trong quá trình giải quyết anh T xác định, anh và chị Th không có tranh chấp nên HĐXX không xem xét.

[6] *Về án phí dân sự sơ thẩm (Hôn nhân và gia đình)*: Buộc anh T phải chịu án phí với số tiền là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho anh Danh T được ly hôn với chị Huỳnh Thị Cẩm Th.

2. *Về tài sản chung*: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của anh Danh T về việc chia tài sản chung với chị Huỳnh Thị Cẩm Th.

3. *Về án phí dân sự sơ thẩm (Hôn nhân và gia đình)*: Buộc anh Danh T chịu án phí là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo lai thu số 0009310 ngày 21/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang nên anh T không phải nộp thêm.

4. *Quyền kháng cáo*: Anh T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (*Ngày 27/9/2022*).

Riêng chị Th vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- TAND tỉnh KG;
- UBND xã TL;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Trịnh Thị Cẩm Linh